

ẢNH HƯỞNG CỦA DÂN SỐ ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM

THE EFFECT OF POPULATION ON ECONOMIC GROWTH IN VIETNAM

Ngày nhận bài: 28/06/2022

Ngày chấp nhận đăng: 21/12/2022

*Trần Thị Thúy Ngọc[✉], Trần Nguyễn Ánh Tuyết[✉], Trần Thị Thu Hằng, Lê Thị Nhật Linh,
Trần Ngọc Kiều Oanh*

TÓM TẮT

Bài báo này tập trung phân tích ảnh hưởng của dân số đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Bằng cách sử dụng mô hình hồi quy OLS và dữ liệu điều tra của Tổng cục Thống kê Việt Nam và của ngân hàng thế giới từ năm 2000-2020, kết quả nghiên cứu cho thấy gia tăng dân số ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn này. Đồng thời kết quả nghiên cứu cũng cho thấy tăng trưởng kinh tế cũng bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như tỷ lệ hộ nghèo, đầu tư trực tiếp nước ngoài, tỷ lệ thất nghiệp, trong đó tỷ lệ hộ nghèo và tỷ lệ thất nghiệp có ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam trong giai đoạn này.

Từ khóa: Dân số, gia tăng dân số, tăng trưởng kinh tế, Việt Nam.

ABSTRACT

This writing's aim is to present the findings of research about affects of population on Vietnamese economic development. By using the survey data from General Statistics Office of Vietnam and International Bank over the 2000-2020 period, the findings indicated the positive effect of population growth on Vietnamese economic development on this period. Besides that, economic development is also affected by other factors such as the poor households rate, foreign direct investment, the unemployment rate, in which the poor households rate and the unemployment rate have the substitute effects on the Vietnamese economic development.

Keywords: Population, population growth, economic growth, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Tăng trưởng kinh tế luôn là mối quan tâm hàng đầu và trọng tâm trong các chính sách phát triển của các nước là làm sao thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh gắn với sự phát triển bền vững. Trong đó, dân số là một trong những nhân tố quan trọng, dân số vừa là cơ hội vừa là thách thức của quá trình tăng trưởng. Một mặt, dân số có ảnh hưởng tích cực, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhưng mặt khác nó cũng có thể sẽ trở thành lực cản của quá trình phát triển. Theo kết quả của nhiều nghiên cứu, ở các nước đang phát triển dân số và tăng trưởng kinh tế hầu như có mối quan hệ cùng chiều với nhau, nghĩa là dân số có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế, dân số đông kéo theo thị trường lao động dồi dào, thị trường hàng hóa ngày càng

mở rộng từ đó khuyến khích đầu tư nước ngoài vào trong nước, hình thành các doanh nghiệp mới với quy mô đa dạng. Nghiên cứu của Bala và cộng sự (2020) ở Nigeria kết quả cho thấy gia tăng dân số và đầu tư trực tiếp nước ngoài có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế trong khi đó nghèo đói và thất nghiệp có ảnh hưởng tiêu cực. Ngược lại, dân số đông cũng là lực cản trong quá trình tăng trưởng khi sự gia tăng dân số trở thành một trở ngại lớn do tốc độ gia tăng dân số ngày càng tăng làm tăng gánh nặng phụ thuộc của

Trần Thị Thúy Ngọc, Trần Nguyễn Ánh Tuyết,
Trần Thị Thu Hằng, Lê Thị Nhật Linh, Trần
Ngọc Kiều Oanh, Trường Đại học Kinh tế - Đại
học Đà Nẵng

✉Email: ngocttt@due.edu.vn,
tuyettran.180301@gmail.com

nhóm tuổi dưới độ tuổi lao động và nhóm tuổi trên độ tuổi lao động vào nhóm tuổi trong độ tuổi lao động. Gary S. Becker và cộng sự (1999) đã tiến hành phân tích tác động của gia tăng dân số đến tăng trưởng kinh tế và nghèo đói, kết quả cho thấy, hai biến này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, gia tăng dân số có tỷ lệ nghịch với tăng trưởng kinh tế và nghèo đói, cụ thể trong ngắn hạn thì tăng thu nhập bình quân đầu người sẽ làm giảm gia tăng dân số do những người giàu sẽ có suy nghĩ sinh ít con hơn, và trong dài hạn thì sự gia tăng dân số ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Như vậy, ảnh hưởng của dân số đến tăng trưởng kinh tế là không giống nhau ở các quốc gia, một số nước dân số có ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế nhưng một số nước thì kết quả là ngược lại. Do đó, cần có thêm nhiều nghiên cứu trong các bối cảnh, các giai đoạn khác nhau để có cái nhìn chi tiết hơn về nhân tố này. Vì vậy, nhóm tác giả đã chọn phân tích ảnh hưởng của nhân tố dân số đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam trong giai đoạn 2000 - 2020.

2. Tổng quan nghiên cứu:

Nghiên cứu về mối quan hệ giữa dân số và tăng trưởng kinh tế không thể không đề cập đến học thuyết nổi tiếng của Malthus (1986). Theo Malthus dân số tăng lên theo cấp số nhân những quy mô các phương tiện sống tăng theo cấp số cộng và tuân theo quy luật lợi suất giảm dần. Nói cách khác, dân số tăng nhanh làm chậm sự phát triển kinh tế do thắt chặt thị trường việc làm, tạo ra tình trạng thiếu việc làm và không khuyến khích sự dịch chuyển lao động giữa các ngành. Hay nghiên cứu của Birdsall và Griffin (1993) cũng cho rằng, dân số tăng nhanh có khả năng làm giảm thu nhập bình quân đầu người, mức độ phúc lợi mà họ nhận được, từ đó làm gia tăng tỷ lệ đói nghèo và gia tăng dân số nhanh trong thời gian ngắn sẽ ảnh

hưởng xấu đối với sức khỏe trẻ em cả về giáo dục, dẫn đến việc giảm chất lượng con người trong tương lai. Murton (1999), cũng đã chỉ ra sự bền vững trong thu nhập bình quân đầu người sẽ không còn được đảm bảo trong điều kiện gia tăng dân số một cách nhanh chóng, ít nhất là các gia đình sẽ nghèo hơn và những hộ gia đình này sẽ ít được hưởng phúc lợi xã hội dành cho người nghèo so với trước đây do sự tăng trưởng chậm của nền kinh tế. Dựa vào mô hình tăng trưởng ngoại sinh và sử dụng hai biến số tiết kiệm (dẫn đến tăng vốn dự trữ) và dân số (xác định lượng lao động hiện có) để mô tả tác động của dân số đến tăng trưởng, kết quả nghiên cứu của Bucci (2015) đã chỉ ra dân số có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Cụ thể, dân số tăng nhanh dẫn đến lượng vốn trên mỗi lao động nhỏ hơn, từ đó làm chậm quá trình tăng trưởng kinh tế. Yoo (1994), David E. Bloom và David Canning (2004) cũng nghiên cứu về mối quan hệ giữa dân số và tăng trưởng kinh tế ở Hoa Kỳ, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng sự bùng nổ về số lượng trẻ em làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế, nguyên nhân là do các nguồn lực được chuyển từ các hoạt động kinh tế hiệu quả sang giáo dục và chăm sóc sức khỏe cho nhóm tuổi này, nhưng nó sẽ mang lại hiệu quả tích cực khi số lượng trẻ em đó tham gia đóng góp vào năng suất xã hội, từ đó mức sống được cải thiện.

Tuy nhiên, một số các nghiên cứu khác lại cho kết quả ngược lại là dân số lại có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu của Headey và Hodge (2009) cho thấy khi tỷ lệ gia tăng dân số giảm ở các nước thu nhập cao làm chậm tăng trưởng kinh tế trong khi tỷ lệ tăng dân số cao ở các nước thu nhập thấp làm giảm tốc độ tăng trưởng GDP ở các nước này. Hay trong nghiên cứu của Prettnner và Prskawetz (2010), Tumwebaze và Ijjo (2015), Sethy và Sahoo (2015), đều chỉ ra những ảnh hưởng tích cực từ việc gia tăng dân số, một nước có quy mô

dân số lớn sẽ kích thích đổi mới công nghệ, tạo ra nhiều bộ não để giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và làm gia tăng thu nhập bình quân đầu người. Kết quả nghiên cứu của Piketty (2017) chỉ ra rằng mức trung bình tăng trưởng kinh tế thế giới hằng năm là 1.6% và mức tăng trưởng sản lượng bình quân đầu người là 0.8% mỗi năm trong giai đoạn từ năm 1700 đến năm 2012 được tạo nên từ sự gia tăng dân số như nhau giữa các năm. Cũng sử dụng tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của 75 quốc gia đang phát triển trong giai đoạn 1965-1990, kết quả của Crenshaw và cộng sự (1997) cho thấy sự gia tăng dân số trẻ em cản trở tiến bộ kinh tế, trong khi sự gia tăng dân số trưởng thành thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

Phần lớn các nghiên cứu ở trong nước khi nghiên cứu về chủ đề này đều có kết luận sự gia tăng dân số có ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Vấn đề này được nhiều tác giả trong nước nghiên cứu và đưa ra các kết luận tương đồng với nhau khi thực nghiệm. Nghiên cứu của Lê Thi (2005) sử dụng chỉ tiêu mức sinh để phân tích mối quan hệ giữa tỷ lệ sinh với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam để tìm ra tác động đối với tăng trưởng trong quá trình dân số biến động. Trong khi đó, nghiên cứu của Nguyễn Thị Chinh (2018)¹ mối quan hệ giữa dân số và tăng trưởng trong quá trình phát triển là chưa rõ ràng. Việt Nam là một nước đang phát triển ở Châu Á với số dân năm 2021 ước tính là 98.564.407 người thì Việt Nam hiện là một trong những quốc gia đông dân nhất khu vực Đông Nam Á và là nước đông dân đứng thứ 15 trên toàn thế giới với mật độ dân số cả nước ước đạt 314 người/km², tập trung chủ

yếu ở khu vực nông thôn (chiếm 64% tổng dân số cả nước).

Tuy nhiên, nếu xét các quốc gia đông dân khác như Trung Quốc - láng giềng nước ta, dân số nước này hiện đang dẫn đầu thế giới nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng không thua kém gì, năm 2020, Trung Quốc là nền kinh tế lớn duy nhất trên thế giới tăng trưởng GDP 2,3%. Tỷ lệ gia tăng dân số nước ta tương đối ổn định mặc dù đã có xu hướng giảm dần so với các giai đoạn trước. Giai đoạn 2000 - 2020, tốc độ gia tăng dân số là 1.16%/năm, song song đó, mức sinh cũng được duy trì về mức sinh thay thế. Mặt khác, quy mô và tốc độ tăng trưởng GDP với GDP/người của Việt Nam trong giai đoạn này tăng nhanh. Tốc độ tăng GDP cả nước giai đoạn này đạt mức cao nhất vào năm 2006 với 8.24% và trong những năm tiếp theo, quy mô nền kinh tế Việt Nam tiếp tục mở rộng với tốc độ tăng trưởng GDP cao, đặc biệt là năm 2018 (7.08%), năm 2020 đạt mức thấp nhất là 2.91% (do ảnh hưởng của COVID-19). Tăng trưởng kinh tế dần chuyển dịch theo chiều sâu, tổng sản phẩm quốc nội cũng tăng từ 106 (năm 2009) lên 245.2 (năm 2018) tỷ USD, góp phần vào tăng trưởng kinh tế đất nước. Sang đến năm 2019 và năm 2020, mặc dù dịch bệnh ảnh hưởng nhưng GDP trong giai đoạn này vẫn tăng đều, đạt 271.2% vào năm 2020. Vậy dân số có tác động như thế nào đến tăng trưởng kinh tế, do đó, mục tiêu của bài viết này nhằm trả lời câu hỏi nghiên cứu: Gia tăng dân số có kéo theo tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam hay không?

3. Phương pháp nghiên cứu và dữ liệu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu các mô hình thực nghiệm cũng như dựa vào mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra, để tiến hành phân tích ảnh hưởng của nhân tố dân số đến tăng trưởng kinh tế, nhóm tác giả đã dựa vào mô hình

¹ Động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp đăng trên Công thông tin điện tử của Bộ Tài Chính

nghiên cứu của Bala và cộng sự (2020). Mô hình hồi quy cụ thể như sau:

$$GDP_t = f(POP_t, POV_t, FDI_t, UNEMP_t) \quad (1)$$

Chuyển đổi hàm sang mô hình kinh tế lượng dạng tuyến tính. Mô hình tổng thể:

$$GDP_t = \beta_0 + \beta_1 POP_t + \beta_2 POV_t + \beta_3 FDI_t + \beta_4 UNEMP_t + U_i \quad (2)$$

Từ phương trình (2) ta có hàm hồi quy mẫu như sau:

$$\widehat{GDP}_t = \widehat{\beta}_0 + \widehat{\beta}_1 POP_t + \widehat{\beta}_2 POV_t + \widehat{\beta}_3 FDI_t + \widehat{\beta}_4 UNEMP_t$$

Trong đó:

β là hệ số của các biến giải thích

GDP_t là tổng sản phẩm quốc nội tại thời điểm t là biến đầu ra của mô hình.

POP_t là tốc độ gia tăng dân số;

POV_t tỷ lệ hộ nghèo;

FDI_t là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

$UNEMP_t$ là tỷ lệ thất nghiệp ;

U_i là phần sai số ngẫu nhiên trong mô hình.

Dựa vào kết quả nghiên cứu của Bala và cộng sự (2020) để kỳ vọng về mối quan hệ giữa biến phụ thuộc với các biến độc lập. Biến POP là tốc độ gia tăng dân số, kết quả cho thấy chúng có mối quan hệ cùng chiều và có tác động tích cực đến tổng sản phẩm quốc nội nên kỳ vọng β_1 mang dấu (+). Tương tự, ta có POV thể hiện tỷ lệ hộ nghèo, số người nghèo càng đông thì đồng nghĩa với việc họ không được hưởng một cách đầy đủ về mặt vật chất cũng như tinh thần, β_2 kỳ vọng sẽ mang dấu (-). Với biến FDI – đầu tư trực tiếp nước ngoài kỳ vọng sẽ có mối quan hệ cùng chiều với GDP, nó đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế nên β_3 mang dấu (+). Cuối cùng là biến UNEMP xét trên góc độ kinh tế, thất nghiệp cao thì sản lượng

của quốc gia thấp kéo theo tổng sản phẩm quốc nội cũng giảm theo nên kỳ vọng sẽ có mối quan hệ ngược chiều với GDP do đó β_4 mang dấu (-).

Bảng 1.

Mô tả các biến

Viết tắt	Tên biến	Dấu kỳ vọng	Các nghiên cứu
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội		
POP	Tốc độ gia tăng dân số	+	Umar Bala và cộng sự
POV	Tỷ lệ hộ nghèo	-	Error! Not a valid link.
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài	+	Error! Not a valid link.
UNEMP	Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động	-	Error! Not a valid link.

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Để đáp ứng nội dung phân tích, nhóm tác giả đã tiến hành thu thập dữ liệu theo chuỗi thời gian từ năm 2000- 2020. Cụ thể, đối với số liệu tổng sản phẩm quốc nội và tốc độ gia tăng dân số nhóm tác giả thu thập từ nguồn điều tra của Ngân hàng thế giới, các số liệu về; tỷ lệ hộ nghèo; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và tỷ lệ thất nghiệp được thu thập từ điều tra của Tổng cục thống kê Việt Nam. Để tiến hành phân tích, xử lý số liệu nhóm tác giả đã sử dụng phần mềm Eviews 10 để tính toán.

4. Kết quả và hàm ý chính sách

4.1. Kết quả các kiểm định

Kiểm định mối tương quan giữa các biến trong mô hình

Bảng 2.

Ma trận tương quan giữa các biến

	GDP	POP	POV	UNEMP	FDI
GDP	1	-0.368135	-0.894757	-0.957237	0.555111
POP	-0.368135	1	0.421245	0.447606	-0.570243
POV	-0.894757	0.421245	1	0.854526	-0.445477
UNEMP	-0.957237	0.447606	0.854526	1	-0.533877
FDI	0.555111	-0.570243	-0.445477	-0.533877	1

Dựa vào kết quả tính toán ở bảng 2, ta thấy mối tương quan giữa biến phụ thuộc GDP và 4 biến độc lập không như kỳ vọng mà nhóm đã đề ra ở bảng 1. Đa số các biến đều có tương quan ngược chiều với biến phụ thuộc trừ FDI. POP là biến độc lập có tương quan mạnh nhất đến biến phụ thuộc GDP hay nói cách khác thì ở đây, tốc độ gia tăng dân số có ảnh hưởng mạnh nhất đến tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2000 – 2020. Tiếp theo là biến POV, cũng có mối quan hệ ngược chiều với biến độc lập và so với hai biến trên thì biến UNEMP là biến có ảnh hưởng ít nhất đến GDP.

Các kiểm định khuyết tật cho mô hình

Để mô hình xây dựng có ý nghĩa và độ tin cậy thì trước khi thực hiện hồi quy, nhóm tác giả đã thực hiện một số các kiểm định cần thiết để "chẩn đoán" phát hiện các khuyết tật có thể có của mô hình, như kiểm định phương sai sai số thay đổi, kiểm định tự tương quan và kiểm định sự phù hợp của mô hình.

Để kiểm tra mối quan hệ giữa các biến nhóm sử dụng hệ số tương quan Pearson (*Pearson correlation coefficient*) để biết xu thế và mức độ tương quan tuyến tính giữa các biến trong mô hình

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Bảng 3.

Kết quả các kiểm định

Loại kiểm định	Giá trị
	Obs*R-squared
Kiểm định Phương sai sai số thay đổi (White test)	7.3008 (Prob = 0.1208)
Kiểm định tự tương quan (Breusch-Godfrey)	0.2911 (Prob = 0.5895)
Kiểm định sự phù hợp của mô hình (Ramsey RESET test)	2.9459 (Prob = 0.1067)

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Dựa vào kết quả kiểm định ở bảng 3, cho thấy thấy tất cả các kiểm định của mô hình đều có Prob > 0.05 nên chấp nhận giả thiết mô hình nhóm xây dựng và mô hình không mắc phải các khuyết tật về phương sai sai số thay đổi, tự tương quan. Để chặt chẽ hơn nữa nhóm tiến hành kiểm tra hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình, nhóm dùng hệ số phóng đại phương sai (*Variance Inflation Factors*) để phát hiện hiện tượng đa cộng tuyến

Bảng 4.

Kiểm định VIF về đa cộng tuyến giữa các biến

	Coefficient Uncentered Centered		
Variable	Variance	VIF	VIF
C	8431.42	475.837	NA
POP	6034.10	459.420	1.5647
POV	4.64930	38.4221	3.7500
FDI	0.12656	4.69330	1.7389
UNEMP	33.0494	34.4487	4.1636

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Từ kết quả bảng 4, chúng ta có thể thấy rằng không có giá trị VIF nào cho các biến độc lập lớn hơn 5 => nên có thể kết luận không xảy ra đa cộng tuyến trong mô hình.

4.2. Kết quả thống kê mô tả

Kết quả thống kê mô tả dữ liệu gốc theo giai đoạn từ năm 2000-2020, bao gồm 21 quan sát được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng 5.

Thống kê mô tả các biến trong mô hình

	GDP	POP	POV	FDI	UNEMP
Mean	131.2210	1.159524	11.49524	20.33714	4.029524
Median	115.9000	1.150000	12.00000	21.00000	4.290000
Maximum	271.2000	1.350000	18.10000	71.70000	6.440000
Minimum	31.17000	1.060000	4.800000	2.800000	2.100000
Std. Dev.	81.22576	0.069461	3.873819	15.98817	1.530988
Skewness	0.287709	0.985901	-0.051144	1.481478	0.078203
Kurtosis	1.732431	3.902515	1.927980	6.088298	1.577844
Jarque-Bera	1.695609	4.114719	1.014728	16.02711	1.791118
Probability	0.428354	0.127791	0.602080	0.000331	0.408379
Sum	2755.640	24.35000	241.4000	427.0800	84.62000
Sum Sq. Dev.	131952.5	0.096495	300.1295	5112.431	46.87850
Observations	21	21	21	21	21

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

- Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) có giá trị lớn nhất là 271.20 vào năm 2020, giá trị nhỏ nhất là 31.17 vào năm 2000, giá trị trung bình là 131.2210.

- Tương tự, với biến tốc độ gia tăng dân số (POP) có giá trị lớn nhất là 1.35 năm 2000, giá trị nhỏ nhất là 1.06 vào năm 2009, giá trị trung bình là 1.159524.

- Biến tỷ lệ hộ nghèo (POV) cao nhất là 18.1 năm 2004, giá trị thấp nhất là 4.8 năm 2020, giá trị trung bình của biến là 11.49524.

- Biến đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), giá trị lớn nhất là 71.7 vào năm 2008, giá trị nhỏ nhất là 2.8 vào năm 2000, giá trị trung bình của biến là 20.33714.

- Biến tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động có giá trị cao nhất là 6.44 vào năm 2000, giá trị thấp nhất là 2.1 năm 2014, giá trị trung bình là 4.029524.

4.3. Kết quả ước lượng của mô hình hồi quy

Kết quả mô hình hồi quy được thực hiện bằng phương pháp bình phương bé nhất OLS có trong bảng 6

Bảng 6.

Kết quả ước lượng mô hình

Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	140.8768	91.82281	1.534224	0.1445
POP	170.7327	77.67947	2.197913	0.0430
POV	-6.518375	2.156224	-3.023052	0.0081
FDI	0.680498	0.355764	1.912778	0.0738
UNEMP	-36.36500	5.748863	-6.325598	0.0000
R-squared	0.954880	Mean dependent var		131.2210
Adjusted R-squared	0.943601	S.D. dependent var		81.22576
S.E. of regression	19.28995	Akaike info criterion		8.961302
Sum squared resid	5953.636	Schwarz criterion		9.209998
Log likelihood	-89.09368	Hannan-Quinn criter.		9.015276
F-statistic	84.65339	Durbin-Watson stat		1.931525
Prob(F-statistic)	0.000000			

Qua phân tích kết quả mô hình hồi quy ở bảng 6 ta thấy rằng GDP bị ảnh hưởng bởi ba trong số bốn nhân tố mà nhóm đã đưa ra đó là POP – tốc độ gia tăng dân số, POV – tỷ lệ hộ nghèo và UNEMP – tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động. Biến FDI bị loại ra khỏi mô hình do giá trị Prob lớn hơn mức ý nghĩa 5% ($0.0738 > 0.05$) nên chưa có ý nghĩa về mặt thống kê.

Như vậy, trong giai đoạn 2000 – 2020, mặc dù tốc độ gia gia tăng dân số của Việt Nam có xu hướng giảm nhưng xét về quy mô thì dân số vẫn tăng lên thêm. Tuy nhiên dựa trên kết quả ước lượng ta thấy yếu tố dân số có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế ở nước ta và góp phần thúc đẩy tăng trưởng trong thời gian dài. Song song đó, tỷ lệ hộ nghèo cũng đã giảm đáng kể so với các giai đoạn trước đây nên được xem là thành công

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả lớn trong quá trình thực hiện mục tiêu giảm nghèo theo Nghị quyết 5 năm (2016 - 2020). Bình quân trong giai đoạn này, tỷ lệ hộ nghèo giảm gần 1,43% xuống còn 4.8% vào năm 2020. Và với kết quả đạt được như trên, Ngân hàng Thế giới cũng đã đánh giá Việt Nam ta là một nước khá thành công trong cải cách và giảm nghèo Theo tổng cục thống kê Việt Nam, tỷ lệ thất nghiệp giảm đáng kể cùng với đó là sự kéo theo do tỷ lệ hộ nghèo giảm, nâng tổng mức thu nhập bình quân đầu người trên tháng của hai nhóm thấp nhất tăng lên giai đoạn 2000 – 2020 đã góp phần lớn trong việc thực hiện các chính sách giảm nghèo và thực hiện các mục tiêu an sinh xã hội. Và với đà này, nước ta sẽ từng bước hoàn thiện các chính sách liên quan đến dân số và xóa đói giảm nghèo để từ đó hướng đến tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững.

Kết quả nghiên cứu cho thấy yếu tố dân số có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam trong giai đoạn này và ảnh hưởng này theo chiều hướng tích cực, kết quả này giống với nghiên cứu của Bala và cộng sự (2020), Piketty (2014), Sethy và Sahoo (2015), Tumwebaze và Ijjo (2015), Prettnner và Prskawetz (2010). Ngoài ra, các yếu tố thất nghiệp và nghèo đói cũng ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, từ kết quả nghiên cứu trên, việc xác định mức ảnh hưởng của dân số đến tăng trưởng kinh tế là tích cực hay tiêu cực vẫn cần dựa vào nhiều yếu tố khác và không thật sự là hoàn toàn đúng ở mọi trường hợp và tiêu biểu ở đây là Trung Quốc, đây là một quốc gia đông dân nhất thế giới và nền kinh tế của nước này lại phát triển một cách vượt bậc so với nước ta rất nhiều. Vì vậy, việc thực hiện các chính sách dân số cần phải phù hợp, linh hoạt hơn và tùy vùng để áp dụng cũng như việc ta biết rằng hút thuốc lá rất có hại cho phổi nhưng không thể kết luận không được hoặc cấm hút thuốc lá mà là hạn chế hoặc cắt giảm để kết quả cuối cùng đạt được như mong muốn.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Các chính sách liên quan đến dân số luôn là mục tiêu hàng đầu mà nhà nước ta chú trọng trong công cuộc tăng trưởng kinh tế nhằm phát triển đất nước. Bên cạnh đó, xóa đói giảm nghèo cũng được xem là một giải pháp quan trọng để phát triển bền vững. Để chính sách này được thực hiện một cách hiệu quả đòi hỏi phải có sự quan tâm một cách đồng bộ giữa các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương trong việc chung tay thực hiện kế hoạch hóa gia đình, nhất là ở khu vực vùng núi, nông thôn; giảm chênh lệch về mức sống giữa các nhóm dân cư; tạo điều kiện để người dân dễ dàng tiếp cận với giáo dục, y tế,... Trong bài nghiên cứu này cho thấy dân số tác động đến tăng trưởng kinh tế theo

hướng tích cực, thực tế ở nước ta hiện nay, mức thu nhập bình quân đầu người đã tăng lên đáng kể qua các năm tạo điều kiện nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Đồng thời, tăng trưởng kinh tế còn chịu ảnh hưởng tiêu cực thông qua hai nhân tố nghèo đói và thất nghiệp, vì vậy mọi biến động dân số đều có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế như dân số đông, dồi dào với lượng lao động trẻ sẽ là điều kiện tiềm năng cho việc phát triển kinh tế cũng như góp phần giảm áp lực và gánh nặng cho xã hội và ngược lại với dân số già thì điều này sẽ làm chậm tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong hiện tại và tương lai. Đây luôn là một bài toán nan giải đối với tất cả các quốc gia và trong đó có cả Việt Nam trong việc thực hiện các chính sách liên quan đến vấn đề dân số. Vì vậy, cần có sự linh hoạt mềm dẻo trong việc đề ra các chính sách liên quan đến dân số.

Thứ nhất, dân số tăng nhanh liên tục mang lại nguồn lao động dồi dào cho quốc gia, nhưng sẽ dẫn tới hệ lụy là thiếu lương thực, nơi ở, trường học, bệnh viện, việc làm,... Vì thế, Chính phủ và nhân dân cần chung tay thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình.

Thứ hai, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường đầu tư vốn con người nhằm góp phần tăng giá trị sản xuất, nâng GDP của Việt Nam lên mức cao trong những năm tiếp theo.

Thứ ba, cần linh hoạt, đổi mới công tác dân số, lực lượng cán bộ chuyên trách và cộng tác viên dân số ở các địa phương thông qua các buổi sinh hoạt, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân về việc chăm sóc sức khỏe sinh sản.

Thứ tư, Chính phủ Việt Nam cần giảm bớt sức ép về cung lao động để cân đối giữa vốn lao động và các loại vốn khác. Từng bước xây dựng và hoàn thiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp.

Có thể nói chính sách kế hoạch hóa gia đình là một phần quan trọng của quá trình này bởi vì nếu Việt Nam có số lượng dân số trẻ dồi dào sẽ giúp cho việc đảm bảo tăng trưởng kinh tế trong hiện tại cũng như tương lai nhưng với điều kiện là mức sinh giảm, đây là yếu tố dẫn đến việc thành công hay thất bại trong thực hiện chính sách này. Ngoài ra, cần chú trọng hơn vào các phúc lợi

xã hội cho người nghèo, nhất là các vấn đề liên quan đến giáo dục, y tế cho người dân. Đồng thời Chính phủ cũng cần quan tâm nhiều hơn đến các yếu tố không phải chăm sóc y tế nhưng quyết định sức khỏe như hút thuốc, tập thể dục, thương tật, khẩu phần dinh dưỡng, nước sạch và vệ sinh,... để cải thiện mức sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bala & cộng sự (2020). Impact of Population Growth, Poverty and Unemployment on Economic Growth. *Asian Business Research Journal*, 5(November), 48–54. <https://doi.org/10.20448/journal.518.2020.5.48.54>
- Birdsall, N., & Griffin, C. C. (1993). *Population growth, externalities, and poverty* (Vol 1158). World Bank Publications.
- Bucci, A. (2015). Product proliferation, population, and economic growth. *Journal of Human Capital*, 9(2), 170–197.
- Crenshaw & cộng sự (1997). Population dynamics and economic development: Age-specific population growth rates and economic growth in developing countries, 1965 to 1990. *American Sociological Review*, 62(6), 974–984. <https://doi.org/10.2307/2657351>
- David E. Bloom & David Canning. (2004). NBER- National Bureau of economic Research. “Global demographic change: dimensions and economic significance”. Trong *Working Paper 10817* <http://www.nber.org/papers/w10817>.
- Gary S. Becker & cộng sự (1999). Population and economic growth. *American Economic Review*, 89(2), 145–149. <https://doi.org/10.1257/aer.89.2.145>
- Headey, D. D., & Hodge, A. (2009). The effect of population growth on economic growth: A meta-regression analysis of the macroeconomic literature. *Population and development review*, 35(2), 221–248.
- Malthus, T. R. (1986). An essay on the principle of population (1798). *The Works of Thomas Robert Malthus, London, Pickering & Chatto Publishers, 1*, 1–139.
- Murton, J. (1999). Population Growth and Poverty in Machakos District, Kenya. *The Geographical Journal*, 165(1), 37. <https://doi.org/10.2307/3060509>
- Piketty, T. (2017). Capital in the twenty-first century. Trong *Capital in the twenty-first century*. Harvard University Press.
- Prettner, K., & Prskawetz, A. (2010). Demographic change in models of endogenous economic growth. A survey. *Central European Journal of Operations Research*, 18(4), 593–608. <https://doi.org/10.1007/s10100-010-0179-y>
- Sethy, S. K., & Sahoo, H. (2015). Investigating the relationship between population and economic growth: An analytical study of India. *Indian Journal of Economics & Business*, 4/2016.

- Lê Thi. (2005). *Gia tăng dân số đột biến sẽ làm trầm trọng thêm nạn nghèo đói và sự tụt hậu của Việt Nam. số 2/2005.*
- Tumwebaze, H. K., & Ijjo, A. T. (2015). Regional economic integration and economic growth in the COMESA region, 1980–2010. *African Development Review*, 27(1), 67–77.
- Yoo, P. S. (1994). Boom or Bust? The Economic Effects of the Baby Boom. *Review*, 76(6). <https://doi.org/10.20955/r.76.13-22>